TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 262/2019/HNGĐ-ST Ngày 28 – 6 – 2019 V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, ly hôn, nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung;

2. Bà Trần Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 219/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019 và Quyết định về việc thay đổi người tiến hành tố tụng số 260/2019/QĐCA-TA ngày 27/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ 11, khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 484, tổ 10, ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T (K), sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ 11, khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị T và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/HT, quyển số I/2005, ngày 17/6/2005 do Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu) cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị T. Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm.

Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì chị T và anh T có liên hệ và gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng về sống chung với nhau nhưng không thành, kể cả gia đình cha, mẹ hai bên cũng không có gặp nhau để bàn bạc cho vợ chồng chị T về sống chung lại với nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến khi con thành niên và có khả năng lao động được và chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận chị Hà Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007 (cháu Nguyễn Văn Q có nguyện vọng sống với mẹ là chị Hà Thị T). Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Văn Q cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị T và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Hà Thị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2005 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/HT, quyển số I/2005, ngày 17/6/2005 do Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu) cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị T). Tại thời điểm kết hôn chị T và anh T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong thời gian không còn chung sống, anh chị không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng và suốt thời gian Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không gửi tự khai trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Nguyễn Văn Q cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q thành niên và có khả năng lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q.

Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày, chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị T và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[6] Chị T và anh T kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngày 21/11/2018, chị Thúy khởi kiện yêu cầu ly hôn. Xác định quan hệ

vợ chồng hợp pháp là theo pháp luật tại thời điểm đăng ký kết hôn (Luật hôn nhân và gia đình năm 2000), nhưng xử lý quan hệ hôn nhân là tại thời điểm xét xử (Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về hôn nhân:* Chị Hà Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/HT, quyển số I/2005, ngày 17/6/2005 do Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị T không còn giá trị.

2. *Về nuôi con chung*: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/10/2007 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi cháu Q thành niên và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hà Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009562 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Long An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm